HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14 /2024/NQ-HĐND	*Bình Phước, ngày 06 tháng 12 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định về thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND-KTNS ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi một số Điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ TP (Cục kiểm tra văn bản);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh);
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Hằng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về:

1. Thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công (tài sản công và tài sản công là vật tiêu hao) bao gồm việc quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, khai thác tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước).

2. Quy định này không quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với các nguồn kinh phí (bao gồm nguồn kinh phí khoa học và công nghệ) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Đấu thầu; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của

Chính phủ; Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy định này, bao gồm:

1. Cơ quan nhà nước.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân: Đối với tài sản công hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

4. Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện (sau đây gọi là Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện): Đối với tài sản công hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

5. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

6. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao bằng hiện vật hoặc đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguồn vốn mua sắm

1. Nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán chi ngân sách hàng năm; nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong trường hợp thực hiện theo hình thức không hình thành dự án đầu tư; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc giữ lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn tài chính hợp pháp khác được sử dụng theo quy định pháp luật của các đối tượng thuộc Điều 2 Quy định này.

2. Trường hợp sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm trong đó có bao gồm nguồn vốn quy định tại khoản 1 Điều này thì thẩm quyền quyết định việc mua sắm phải thực hiện theo quy định tại Quy định này.

3. Trường hợp sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó bao gồm nguồn vốn quy định tại các khoản 1, 2 Điều này và nguồn vốn đầu tư công thì thẩm quyền quyết định việc mua sắm được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo đúng quy định

của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; phân cấp rõ về thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc phân cấp phù hợp với quy định về phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước, đáp ứng tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý tài sản công trong giai đoạn hiện nay của tỉnh.

2. Tài sản công phải được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật. Việc quản lý, sử dụng tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng; được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công là để tạo điều kiện và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với tài sản công; đồng thời tăng cường thực hiện công tác giám sát, hướng dẫn, kiểm tra của các cấp, các ngành các cơ quan, đơn vị, tổ chức về quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II
THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm, sửa chữa tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm, sửa chữa tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, quyết định mua sắm, sửa chữa tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ:

a) Tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương đối với các tài sản thuộc danh mục phải áp dụng mua sắm tập trung theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 49 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ) và các quy định pháp luật của Trung ương và địa phương về mua sắm tập trung.

b) Tài sản công là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

c) Xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác (trừ xe mô tô hai bánh, ba bánh).

d) Nội dung, dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ thuộc nguồn kinh phí đã giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có giá trị trên 2 tỷ đồng.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định mua sắm, sửa chữa tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ (trừ các tài sản quy định tại khoản 2 Điều này):

a) Nội dung, dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị tối đa 02 tỷ đồng.

b) Nội dung, dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có giá trị trên 500 triệu đồng đến tối đa 02 tỷ đồng.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định nội dung, dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ thuộc dự toán ngân sách cấp huyện có giá trị dự toán mua sắm trên 500 triệu đồng tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức và xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 2 Điều này).

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương; các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: các phòng, ban cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã):

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao, quyết định nội dung, dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý có giá trị tối đa 500 triệu đồng (trừ các tài sản quy định tại khoản 2 Điều này).

6. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tại đơn vị mình (trừ các trường hợp được quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này); đối với nội dung, dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị trên 500 triệu đồng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có).

7. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm, thuê các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều này.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan) quyết định thuê: Nhà làm

việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương quyết định thuê

a) Tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị mình (trừ các tài sản công thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này).

b) Tài sản có giá thuê trên 100 triệu đồng/01 hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình (trừ các tài sản được quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều này).

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý của Sở, ban, ngành cấp tỉnh (bao gồm: đơn vị dự toán cấp II, cấp III) và các cơ quan tương đương quyết định thuê: Tài sản của đơn vị mình (trừ các tài sản được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, quyết định thuê

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện.

b) Tài sản khác có giá thuê trên 100 triệu đồng/01 hợp đồng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện (trừ các tài sản quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều này).

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê: Tài sản có giá thuê tối đa 100 triệu đồng/01 hợp đồng (trừ các tài sản quy định tại khoản 4 Điều này).

6. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan) quyết định thu hồi:

a) Tài sản công là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô, các loại phương tiện giao thông vận tải (trừ xe mô tô hai bánh, ba bánh).

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương quyết định thu hồi tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan quyết định thu hồi tài sản công đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan) quyết định điều chuyển

a) Quyền sử dụng đất; nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

b) Xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác (trừ xe mô tô hai bánh, ba bánh).

c) Các loại tài sản công có nguyên giá trên 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

d) Tài sản công khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương quyết định điều chuyển

a) Tài sản công giữa đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

b) Tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, quyết định điều chuyển: Tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (bao gồm cơ quan đảng cấp huyện); giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (bao gồm cơ quan đảng) và cấp xã; giữa các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan) quyết định bán

a) Tài sản công là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

b) Xe ô tô, các loại phương tiện giao thông vận tải (trừ xe mô tô hai bánh, ba bánh).

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương quyết định bán

a) Tài sản công của đơn vị mình (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

b) Tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá trên 500 triệu đồng/01 lần bán hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại trên 100 triệu đồng/01 lần bán (trừ các tài sản quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều này).

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý của Sở, ban, ngành cấp tỉnh (bao gồm: đơn vị dự toán cấp II, cấp III) và các cơ quan tương đương quyết định bán: Tài sản công có nguyên giá tối đa 500 triệu đồng/01 lần bán hoặc tài sản có giá trị đánh giá tối đa 100 triệu đồng/01 lần bán (trừ các tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 6 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan quyết định bán: Tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá trên 500 triệu đồng/01 lần bán hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại trên 100 triệu đồng/01 lần bán (trừ các tài sản quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều này).

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán: Tài sản công có nguyên giá tối đa 500 triệu đồng/01 lần bán hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại tối đa 100 triệu đồng/01 lần bán (trừ các tài sản quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều này).

6. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định bán: Tài sản công tại đơn vị mình (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này), đối với tài sản công có nguyên giá trên 500 triệu đồng/01 lần bán hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại trên 100 triệu đồng/01 lần bán sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan) quyết định thanh lý

a) Tài sản công là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

b) Xe ô tô, các loại phương tiện giao thông vận tải (trừ xe mô tô hai bánh, ba bánh).

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương quyết định thanh lý

a) Tài sản công là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ thuộc phạm vi quản lý phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng hoặc các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Tài sản công khác của đơn vị mình (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

c) Tài sản công khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá trên 500 triệu đồng/01 lần thanh lý hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại trên 100 triệu đồng/01 lần thanh lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều này).

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý của Sở, ban, ngành cấp tỉnh (bao gồm: đơn vị dự toán cấp II, cấp III) và các cơ quan tương đương quyết định thanh lý: Tài sản công có nguyên giá tối đa 500 triệu đồng/01 lần thanh lý hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại tối đa 100 triệu đồng/01 lần thanh lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan quyết định thanh lý:

a) Tài sản công là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ thuộc phạm vi quản lý phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng hoặc các trường hợp khác theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Tài sản công khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị; Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá trên 500 triệu đồng/01 lần thanh lý hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại trên 100 triệu đồng/01 lần thanh lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều này).

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý: Tài sản công có nguyên giá tối đa 500 triệu đồng/01 lần thanh lý hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại tối đa 100 triệu đồng/01 lần thanh lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều này).

6. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thanh lý: Tài sản công tại đơn vị mình (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này), đối với tài sản công có nguyên giá trên 500 triệu đồng/01 lần thanh lý hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại trên 100 triệu đồng/01 lần thanh lý sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có).

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan) quyết định tiêu hủy tài sản công; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a) Tài sản công là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô, các loại phương tiện giao thông vận tải (trừ xe mô tô hai bánh, ba bánh).

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 3 Điều 34 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24, khoản 25 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ).

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định và xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương (đơn vị dự toán cấp I) quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định việc khai thác tài sản công tại đơn vị theo quy định tại điểm b3 khoản 4 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ).

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản công được thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định việc khai thác tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định việc khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc khai thác tài sản công đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Chương III
THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 13. Quản lý, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước

Việc quản lý, sử dụng tài sản phục vụ công tác chung của Ban Quản lý dự án được thực hiện theo quy định áp dụng với đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp Ban Quản lý dự án hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập; theo quy định áp dụng với cơ quan nhà nước trong trường hợp Ban Quản lý dự án hoạt động theo mô hình khác.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm, thuê tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản để phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản

a) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban Quản lý dự án quyết định hoặc thực hiện theo phân cấp thẩm quyền quy định tại Chương II Quy định này.

b) Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban Quản lý dự án khác cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc phê duyệt dự án thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban Quản lý dự án quyết định việc mua sắm, thuê tài sản sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc phê duyệt dự án.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban Quản lý dự án quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại hoặc thực hiện theo phân cấp thẩm quyền quy định tại Chương II Quy định này.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với tài sản công đang thực hiện thủ tục trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý; hàng hóa, dịch vụ theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội

đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về sửa đổi một số Điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại thời điểm Nghị quyết này đã có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai Quy định theo Nghị quyết này; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành không phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ và Quy định này để bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý; ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, bảo đảm phân định rõ quyền, nghĩa vụ của từng bộ phận, cá nhân trong việc đầu tư xây dựng, mua sắm, tiếp nhận, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; sử dụng, khai thác tài sản công và xử lý tài sản công theo đúng quy định;

b) Chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định về thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước hoặc bằng nguồn kinh phí được phép sử dung theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài các quy định cụ thể tại Quy định này, việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định của Chính phủ và pháp luật có liên quan./.